TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

Số: 1702 /TB-HĐTDVC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2026

THÔNG BÁO
Triệu tập thí sinh dự thi vòng 2, kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long năm 2026

Căn cứ Quyết định số 1892/QĐ-ĐHTĐHN ngày 05/10/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc phê duyệt chỉ tiêu và ban hành Kế hoạch tổ chức tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026;

Căn cứ Thông báo số 1436/TB-ĐHTĐHN ngày 05/10/2026 của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026,

Hội đồng tuyển dụng thông báo triệu tập thí sinh dự thi vòng 2, kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026 với một số nội dung như sau:

1. Danh sách thí sinh dự thi vòng 2

(Có danh sách kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm tổ chức thi

Ngày thi: 22/11/2026 (Chủ nhật)

2.1. Tập trung thí sinh

- Thời gian: 07h30'

- Địa điểm: Các phòng chờ tại nhà A3, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (Số 98 Dương Quảng Hàm, Nghĩa Đô, Hà Nội).

- Nội dung: Phổ biến nội quy, quy chế và những việc thí sinh cần biết, cần làm và triển khai quy trình dự thi theo quy định.

2.2. Bắt đầu thi

- Thời gian: 08h00'

- Địa điểm: Các phòng thi tại nhà A1, A2, Trường Đại học Thủ đô Hà Nội (Số 98 Dương Quảng Hàm, Nghĩa Đô, Hà Nội).

(Sơ đồ phòng thi, phòng chờ, số báo danh thí sinh, nội quy, quy chế được niêm yết tại khu vực thi)

a. Hình thức thi: Thi thực hành giảng dạy.

b. Thời gian thi:

Thời gian thi: Không quá 35 phút đối với vị trí Giáo viên Tiểu học; Không quá 45 phút đối với vị trí Giáo viên Trung học cơ sở và Giáo viên Trung học phổ thông (Thí sinh có 15 phút chuẩn bị trước khi thi giảng, không tính vào thời gian thi).

(Hướng dẫn chi tiết thi vòng 2 thí sinh xem tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này)

Đề nghị các thí sinh tập trung đúng thời gian quy định và mang theo căn cước công dân hoặc một trong các giấy tờ tuỳ thân hợp pháp khác có dán ảnh để đối chiếu khi vào phòng thi.

Thông báo này được đăng tải trên website: https://hnmu.edu.vn (Mục Tin tức, tiểu mục Thông báo), https://liencapthanglong.hnmu.edu.vn và gửi tới địa chỉ Email của thí sinh.

Đề nghị các thí sinh thực hiện đúng nội dung, thời gian thông báo./.

Nơi nhận:
- Hội đồng tuyển dụng;
- Ban Giám sát;
- Ban biên tập website;
- Lưu: VT, HĐTDVC.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Bùi Quốc Hoàn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH
THÍ SINH THAM DỰ VÒNG 2, KỲ THI TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số: 1702 /TB-HĐTDVC ngày 17 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026)

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
1	HNMU001	Chử Hạnh An	11/08/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
2	HNMU002	Nguyễn Hà Anh	08/10/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
3	HNMU003	Nguyễn Phương Anh	25/11/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
4	HNMU004	Lê Quỳnh Anh	15/02/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
5	HNMU006	Đỗ Vân Anh	22/02/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
6	HNMU007	Bùi Việt Anh	25/07/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
7	HNMU008	Nguyễn Kiều Ánh	02/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
8	HNMU009	Trương Thị Ngọc Ánh	16/09/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
9	HNMU011	Bùi Thùy Dung	04/6/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
10	HNMU012	Hoàng Thị Duyên	26/01/2000	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
11	HNMU013	Đỗ Thị Thùy Ánh Dương	07/05/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
12	HNMU015	Nguyễn Hải Đăng	18/10/2001	Nam	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
13	HNMU016	Phạm Minh Đức	15/05/1997	Nam	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
14	HNMU017	Đinh Ngọc Hà	28/09/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
15	HNMU018	Nguyễn Thị Mỹ Hà	14/10/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
16	HNMU019	Dương Việt Hà	15/07/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
17	HNMU020	Đỗ Thu Hải	02/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
18	HNMU021	Trương Bích Hạnh	07/12/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
19	HNMU022	Tạ Minh Hạnh	10/08/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
20	HNMU023	Vũ Thị Minh Hảo	30/07/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
21	HNMU024	Lương Thị Hằng	01/02/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
22	HNMU027	Phạm Thúy Hiền	13/09/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
23	HNMU028	Nguyễn Thị Hoa	12/12/1992	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
24	HNMU029	Nguyễn Khánh Huyền	27/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
25	HNMU030	Đồng Minh Huyền	03/05/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
26	HNMU031	Cao Thanh Huyền	13/7/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
27	HNMU032	Nguyễn Thanh Huyền	11/07/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
28	HNMU033	Quang Thị Thanh Huyền	17/03/1997	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
29	HNMU034	Nguyễn Thị Thu Hương	18/9/1997	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
30	HNMU036	Nguyễn Thu Hương	03/11/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
31	HNMU039	Trần Thu Hương	04/11/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
32	HNMU041	Nguyễn Diệu Linh	29/11/1989	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
33	HNMU042	Nguyễn Thị Thùy Linh	08/02/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
34	HNMU044	Lê Thị Phương Mai	01/11/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
35	HNMU045	Đinh Trà My	02/01/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
36	HNMU046	Quách Trà My	23/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
37	HNMU048	Nguyễn Thu Ngân	11/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
38	HNMU049	Hoàng Thị Hồng Ngọc	24/11/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
39	HNMU050	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	08/03/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
40	HNMU054	Dương Thị Bích Phượng	28/07/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
41	HNMU055	Nguyễn Thị Phượng	15/03/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
42	HNMU056	Bùi Thúy Phượng	19/01/2001	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Con bệnh binh	
43	HNMU057	Nguyễn Thị Lệ Quyên	24/08/1995	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
44	HNMU058	Ngô Phương Quỳnh	03/06/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
45	HNMU060	Lê Thị Thanh Thảo	06/02/2003	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
46	HNMU061	Nguyễn Thanh Thúy	02/01/1999	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
47	HNMU062	Hà Thị Minh Thúy	27/11/1996	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
48	HNMU065	Đào Anh Thư	24/12/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
49	HNMU067	Ngô Thủy Tiên	03/06/2002	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
50	HNMU068	Nguyễn Thu Trang	11/3/1998	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
51	HNMU069	Đỗ Thị Tuyến	04/09/1993	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
52	HNMU072	Trần Hải Yến	26/12/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Môn cơ bản		
53	HNMU073	Đỗ Ngọc Bách	02/01/1997	Nam	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất		
54	HNMU075	Nguyễn Nhật Minh	18/07/2004	Nam	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất		
55	HNMU076	Đỗ Thu Trang	01/06/2004	Nữ	Giáo viên Tiểu học	Giáo dục thể chất		
56	HNMU079	Thái Thị Mỹ Duyên	10/6/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
57	HNMU080	Nguyễn Thị Thu Hà	24/07/1993	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
58	HNMU083	Lê Thu Huyền	07/3/1997	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
59	HNMU085	Dương Thu Hương	30/06/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
60	HNMU090	Nguyễn Thị Diệu Ly	23/07/1999	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
61	HNMU091	Đào Trà My	07/12/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
62	HNMU092	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/10/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
63	HNMU093	Nguyễn Thị Phượng	20/08/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
64	HNMU094	Nguyễn Như Quỳnh	05/01/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
65	HNMU095	Nguyễn Phương Thảo	18/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
66	HNMU097	Nguyễn Thị Thùy	22/06/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
67	HNMU099	Nguyễn Huyền Trang	04/4/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
68	HNMU101	Đào Thị Thanh Xuân	06/11/1996	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngữ văn		
69	HNMU102	Phạm Phương Anh	21/04/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
70	HNMU105	Nguyễn Văn Đức	10/5/1996	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
71	HNMU106	Nguyễn Hương Giang	14/10/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
72	HNMU108	Phạm Thu Hà	17/09/1992	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
73	HNMU109	Bùi Thị Mỹ Hằng	12/11/1997	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
74	HNMU112	Vũ Ngọc Huyền	22/05/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
75	HNMU113	Đào Tiến Khanh	19/07/1997	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
76	HNMU114	Kiều Diễm Lan	10/12/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
77	HNMU117	Đinh Thị Hương Mai	01/05/1992	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
78	HNMU118	Trịnh Hồng Ngọc	17/12/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Người dân tộc thiểu số	
79	HNMU119	Đỗ Thị Nhàn	21/07/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
80	HNMU122	Nguyễn Xuân Quyền	24/10/2000	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
81	HNMU123	Nguyễn Thị Xuân Quỳnh	26/08/1991	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
82	HNMU126	Mai Thanh Thảo	11/5/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
83	HNMU127	Lê Thị Phương Thảo	24/8/1989	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học		
84	HNMU133	Bùi Thị Yến	27/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Toán học	Người dân tộc thiểu số	
85	HNMU134	Trịnh Hải An	02/3/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
86	HNMU138	Hoàng Thu Hà	13/05/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
87	HNMU139	Phạm Ngọc Huyền	23/12/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
88	HNMU140	Đào Thị Hương	28/01/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
89	HNMU141	Nguyễn Khánh Linh	19/04/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
90	HNMU142	Nhữ Khánh Linh	24/10/2001	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
91	HNMU144	Hà Thị Hương Ly	22/11/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
92	HNMU146	Nguyễn Thị Mai	02/4/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
93	HNMU147	Nguyễn Thị Ngân	05/01/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
94	HNMU148	Phạm Thị Phúc	20/05/2000	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
95	HNMU149	Ngô Hồng Phượng	15/08/1999	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
96	HNMU150	Nguyễn Thu Phương	25/07/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
97	HNMU152	Nguyễn Thu Thảo	02/12/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
98	HNMU156	Trần Thị Hương Tú	03/8/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
99	HNMU159	Phan Thị Yến	17/04/1998	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)		
100	HNMU160	Trần Thảo Anh	18/10/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên		
101	HNMU161	Vũ Thị Hạnh	28/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên		
102	HNMU162	Nguyễn Khánh Linh	09/6/2003	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên		
103	HNMU163	Bùi Minh Nguyệt	04/11/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên		
104	HNMU164	Nguyễn Thị Thanh Thư	02/5/2002	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Khoa học tự nhiên		
105	HNMU166	Nguyễn Thị Thanh Hoa	23/02/2004	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Lịch sử và Địa lý		
106	HNMU172	Phạm Minh Đức	23/06/2003	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất		
107	HNMU173	Nguyễn Thị Hòa	27/07/1990	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất		
108	HNMU176	Lê Anh Quân	19/09/2000	Nam	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất		
109	HNMU177	Hồ Huyền Trang	03/11/1993	Nữ	Giáo viên Trung học cơ sở	Giáo dục Thể chất		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
110	HNMU179	Lê Vương Tường An	13/11/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
111	HNMU180	Nguyễn Mạnh Trung Anh	23/01/2000	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
112	HNMU181	Trần Thị Ngọc Anh	26/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
113	HNMU183	Đặng Thị Linh Chi	02/11/1997	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
114	HNMU184	Lê Minh Đức	25/7/2002	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
115	HNMU185	Trần Thị Ngọc Huyền	20/08/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
116	HNMU186	Trần Thị Mận	14/6/1989	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
117	HNMU187	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
118	HNMU189	Trương Thanh Thúy	30/11/1999	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
119	HNMU193	Trần Văn Tùng	08/07/1998	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
120	HNMU194	Trần Hải Yến	13/02/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Toán học		
121	HNMU195	Nguyễn Châm Anh	13/08/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
122	HNMU199	Đỗ Thị Mai Chinh	07/5/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
123	HNMU200	Lê Thị Bạch Dương	15/11/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
124	HNMU201	Đỗ Thu Dương	19/09/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
125	HNMU202	Nguyễn Minh Đức	25/12/2003	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
126	HNMU204	Lê Thị Hiền	20/09/1987	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
127	HNMU206	Lý Hương Linh	23/08/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
128	HNMU207	Dương Khánh Linh	16/06/2004	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Đăng ký dự tuyển		Đối tượng ưu tiên	Ghi chú
					Vị trí dự tuyển	Môn đăng ký dự tuyển		
129	HNMU208	Trần Khánh Linh	12/07/1994	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
130	HNMU209	Phạm Thùy Linh	23/03/1998	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
131	HNMU210	Nguyễn Kim Ngân	21/03/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
132	HNMU211	Vũ Thị Hà Phương	11/09/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
133	HNMU212	Nguyễn Mạnh Tuấn	18/08/2001	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Ngữ văn		
134	HNMU213	Vũ Tuấn Anh	08/01/2000	Nam	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
135	HNMU214	Lê Vân Anh	17/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
136	HNMU215	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1999	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
137	HNMU216	Lương Thị Thùy Dung	24/04/1985	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
138	HNMU217	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học	Làm việc đúng vị trí việc làm và đóng BHXH bắt buộc đủ 36 tháng trở lên	
139	HNMU218	Hoàng Thảo Hiền	21/05/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
140	HNMU220	Lê Ánh Linh	20/07/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
141	HNMU222	Trịnh Thị Kim Loan	06/12/2002	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		
142	HNMU223	Hoàng Thu Trang	25/11/2003	Nữ	Giáo viên Trung học phổ thông	Hóa học		

Danh sách gồm 142 thí sinh./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG NHÀ GIÁO LÀM VIỆC TẠI TRƯỜNG TH, THCS VÀ THPT THĂNG LONG NĂM 2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HƯỚNG DẪN

Thi thực hành giảng dạy, vòng 2, kỳ thi tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Thăng Long năm 2026

(Kèm theo Thông báo số: 1702 /TB-HĐTDVC ngày 17 tháng 11 năm 2026 Của Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026)

I. MỤC ĐÍCH VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG

1. Hướng dẫn này quy định những nội dung thí sinh cần biết và thực hiện khi tham dự bài thi thực hành Vòng 2 kỳ tuyển dụng nhà giáo của Hội đồng tuyển dụng nhà giáo làm việc tại Trường TH, THCS và THPT Thăng Long năm 2026;

2. Bài thi thực hành nhằm đánh giá tổng hợp kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực tổ chức hoạt động dạy học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn và năng lực xử lý tình huống sư phạm của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm.

3. Bài thi thực hành được tổ chức theo các nguyên tắc sau:

- Công khai, khách quan, công bằng, minh bạch và bảo đảm cạnh tranh trong tuyển dụng;

- Thí sinh dự tuyển cùng vị trí việc làm được áp dụng thống nhất về cấu trúc đề, thời gian chuẩn bị, thời gian thực hiện, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị hỗ trợ và nguyên tắc chấm điểm;

- Nội dung thi phù hợp với vị trí việc làm, chuyên môn tuyển dụng, chuẩn nghề nghiệp/chức danh nhà giáo và yêu cầu thực tế của cơ sở giáo dục;

- Phần thi của mỗi thí sinh được thực hiện độc lập, bảo đảm bảo mật đề thi và không để thí sinh đã thi trao đổi nội dung đề với thí sinh chưa thi.

4. Bài thi thực hành được tính theo thang điểm 100 điểm và gồm 03 phần:

- Phần 1. Kiểm tra kiến thức chuyên môn: 30 điểm;

- Phần 2. Thực hành giảng dạy: 50 điểm;

- Phần 3. Giải quyết tình huống sư phạm: 20 điểm.

II. CẤU TRÚC VÀ THỜI GIAN BÀI THI

1. Thời gian chuẩn bị

Thí sinh có 15 phút chuẩn bị kể từ thời điểm được giao đề thi tại phòng chuẩn bị. Thời gian chuẩn bị không tính vào thời gian thực hiện bài thi tại Phòng chấm.

2. Thời gian thực hiện bài thi

Thời gian thi: Không quá 35 phút đối với vị trí Giáo viên Tiểu học; Không quá 45 phút đối với vị trí Giáo viên Trung học cơ sở và Giáo viên Trung học phổ thông

(Thí sinh có 15 phút chuẩn bị trước khi thi giảng, không tính vào thời gian thi).

Thời gian thi được tính kể từ thời điểm thí sinh bắt đầu thực hiện bài thi sau khi kết thúc thời gian chuẩn bị. Trường hợp khi hết thời gian chuẩn bị mà thí sinh chưa bắt đầu làm bài thì thời gian thi được tính bắt đầu ngay sau thời điểm kết thúc thời gian chuẩn bị.

III. CHUẨN BỊ CỦA THÍ SINH TRƯỚC NGÀY THI

1. Chuẩn bị về chuyên môn

Thí sinh chủ động nghiên cứu:

- Yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;
- Chuẩn nghề nghiệp/chức danh nhà giáo tương ứng;
- Kiến thức chuyên môn thuộc môn học, ngành hoặc chuyên ngành tuyển dụng;
- Phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với đối tượng người học;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học;
- Các tình huống thường gặp trong hoạt động dạy học, giáo dục và cách xử lý phù hợp.

Thí sinh cần chuẩn bị khả năng giải thích, phân tích và vận dụng kiến thức chuyên môn; không chỉ ghi nhớ và trình bày kiến thức lý thuyết.

2. Chuẩn bị giáo án

Trên cơ sở chủ đề, bài học hoặc phạm vi nội dung thực hành giảng dạy do Hội đồng tuyển dụng công bố, thí sinh chủ động xây dựng giáo án phục vụ bài thi.

Giáo án cần thể hiện tối thiểu các nội dung sau:

- Tên bài/chủ đề;
- Đối tượng người học;
- Mục tiêu/yêu cầu cần đạt;
- Nội dung trọng tâm;
- Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học;
- Hoạt động của người dạy và người học;
- Phương tiện, học liệu dự kiến sử dụng;
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá;
- Dự kiến thời lượng của các hoạt động.

Thí sinh xây dựng giáo án phù hợp với thời lượng thực hành giảng dạy .... Phút (tùy theo cấp học); không trình bày toàn bộ một tiết học thông thường

Thí sinh phải chuẩn bị năng lực thực hiện đối với toàn bộ các chủ đề/bài học thuộc danh mục; chủ đề cụ thể được xác định theo kết quả bốc thăm trong ngày thi.

3. Giáo án và học liệu được mang vào phòng thi

Thí sinh được sử dụng các tài liệu, học liệu sau đây khi Hội đồng tuyển dụng đã công bố cho phép:

- Giáo án bản giấy;
- Sách giáo khoa, giáo trình hoặc tài liệu chuyên môn được Hội đồng xác định;
- Học liệu trực quan, đồ dùng dạy học cần thiết;
- Các phương tiện khác được Hội đồng cho phép đối với vị trí việc làm có yêu cầu đặc thù.

Lưu ý: *Thí sinh không sử dụng máy tính cá nhân, không sử dụng tệp trình chiếu.*

Thí sinh chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung giáo án và học liệu. Việc chuẩn bị giáo án trước ở nhà không thay thế phần thi trực tiếp; Hội đồng đánh giá năng lực của thí sinh thông qua việc thực hiện bài thi tại Phòng chấm.

IV. CÓ MẶT TẠI ĐỊA ĐIỂM THI

1. Thí sinh có mặt tại địa điểm thi theo đúng thời gian ghi trong giấy triệu tập/thông báo của Hội đồng tuyển dụng.

2. Khi được gọi vào khu vực thi, thí sinh xuất trình Thẻ căn cước hoặc một trong các giấy tờ tùy thân hợp pháp còn giá trị có ảnh và thông tin cá nhân; giấy triệu tập dự thi nếu Hội đồng yêu cầu; các tài liệu, học liệu được phép sử dụng theo thông báo.

3. Thí sinh gửi điện thoại, đồng hồ thông minh, thiết bị thu phát thông tin, thiết bị lưu trữ dữ liệu và các vật dụng không được phép mang vào khu vực thi tại vị trí do Hội đồng hướng dẫn.

4. Thí sinh thực hiện đúng hướng dẫn của cán bộ tổ chức thi, giữ trật tự và không tự ý rời khỏi khu vực được bố trí.

V. THỰC HIỆN TẠI PHÒNG CHỜ

1. Thí sinh được gọi vào Phòng chờ theo danh sách và thứ tự thi do Hội đồng tuyển dụng bố trí.

2. Cán bộ tổ chức thi thực hiện các công việc:

- Kiểm tra giấy tờ tùy thân;
- Đối chiếu danh sách, số báo danh;
- Phổ biến lại những nội dung cần thiết;

- Kiểm tra các vật dụng thí sinh mang theo;
- Hướng dẫn thứ tự chuyển sang Phòng chuẩn bị.

3. Trong thời gian ở Phòng chờ, thí sinh:

- Giữ trật tự;
- Không trao đổi nội dung liên quan đến đề thi;
- Không sử dụng điện thoại hoặc thiết bị thu phát thông tin;
- Không tự ý rời khỏi Phòng chờ.

VI. BỐC THĂM ĐỀ THI TẠI PHÒNG CHUẨN BỊ

1. Cách thức bốc thăm

Khi đến lượt, thí sinh được cán bộ tổ chức thi hướng dẫn vào Phòng chuẩn bị. Thí sinh thực hiện bốc thăm ngẫu nhiên 01 mã đề/01 đề thi trong số các đề được bố trí cho vị trí việc làm dự tuyển.

Việc bốc thăm được thực hiện công khai trước cán bộ có trách nhiệm. Sau khi bốc thăm, thí sinh:

- Xuất trình mã đề/phiếu bốc thăm;
- Nhận đề thi tương ứng;
- Kiểm tra số trang, mã đề và tình trạng của đề;
- Ký xác nhận vào danh sách/biên bản bốc thăm theo hướng dẫn.

Mỗi thí sinh chỉ bốc thăm một lần và không được đổi đề, trừ trường hợp đề thi có sai sót hoặc có sự cố được người có thẩm quyền xác nhận và quyết định xử lý.

2. Cấu trúc của đề thi

Mỗi đề thi gồm các phần:

Phần 1 - Kiến thức chuyên môn: Một hoặc một số yêu cầu nhằm kiểm tra kiến thức chuyên môn, khả năng phân tích, vận dụng và giải thích vấn đề gắn với vị trí việc làm.

Phần 2 - Thực hành giảng dạy: Xác định bài/chủ đề/nội dung hoặc nhiệm vụ mà thí sinh phải tổ chức thực hành giảng dạy.

Phần 3 - Tình huống sư phạm: Một tình huống phát sinh trong quá trình dạy học, giáo dục hoặc hoạt động nghề nghiệp mà thí sinh phải phân tích và đề xuất phương án xử lý.

3. Thời gian chuẩn bị

a) Ngay sau khi nhận đề và hoàn tất thủ tục xác nhận, cán bộ tổ chức thi thông báo thời điểm bắt đầu và kết thúc 15 phút chuẩn bị. Trong thời gian chuẩn bị, thí sinh được:

- Đọc và nghiên cứu đề;
- Xây dựng dàn ý trả lời Phần 1;
- Xác định cách tổ chức phần thực hành giảng dạy;

- Xây dựng phương án xử lý tình huống;
- Ghi nội dung cần thiết trên giấy nháp do Hội đồng cung cấp;
- Rà soát giáo án, học liệu được phép sử dụng.

b) Thí sinh không được:

- Trao đổi với người khác;
- Sử dụng điện thoại, Internet hoặc thiết bị liên lạc;
- Sử dụng tài liệu ngoài danh mục được phép;
- Sao chép, chụp ảnh hoặc chuyển nội dung đề thi ra bên ngoài.

4. Phát hiện sai sót trong đề

Nếu phát hiện đề thi thiếu trang, nhầm trang, không rõ nội dung, sai mã đề hoặc có lỗi có khả năng ảnh hưởng đến việc thực hiện bài thi, thí sinh phải báo ngay cho cán bộ có trách nhiệm; không tự ý sửa đề hoặc tiếp tục thực hiện theo cách hiểu riêng nếu lỗi có thể ảnh hưởng đến kết quả bài thi.

VII. DI CHUYỂN TỪ PHÒNG CHUẨN BỊ ĐẾN PHÒNG CHẤM

Kết thúc thời gian chuẩn bị, thí sinh dừng việc chuẩn bị và thực hiện theo hướng dẫn của cán bộ tổ chức thi.

Thí sinh mang theo đề thi, giấy nháp được phép, giáo án và học liệu được phép sử dụng. Thí sinh được hướng dẫn trực tiếp từ Phòng chuẩn bị đến Phòng chấm và không được tiếp xúc, trao đổi với thí sinh đang chờ thi.

VIII. THỰC HIỆN BÀI THI TẠI PHÒNG CHẤM

Khi vào Phòng chấm, thí sinh thực hiện theo trình tự:

- Xác nhận họ tên, số báo danh hoặc thông tin theo yêu cầu;
- Đặt tài liệu, học liệu tại vị trí được hướng dẫn;
- Chuẩn bị nhanh thiết bị phục vụ giảng dạy;
- Bắt đầu bài thi khi có hiệu lệnh.

IX. THỰC HIỆN PHẦN 1 - KIỂM TRA KIẾN THỨC CHUYÊN MÔN

Thí sinh trình bày nội dung theo câu hỏi/yêu cầu ghi trong đề. Khuyến khích thực hiện theo trình tự: xác định vấn đề → trình bày kiến thức cốt lõi → phân tích/lý giải → vận dụng vào hoạt động nghề nghiệp hoặc dạy học → kết luận. Thí sinh cần:

- Trả lời đúng trọng tâm;
- Sử dụng thuật ngữ chuyên môn chính xác;
- Thể hiện hiểu bản chất vấn đề;
- Có khả năng liên hệ, vận dụng;
- Tránh trình bày lan man hoặc chỉ đọc lại nội dung đã chuẩn bị.

Thành viên Ban kiểm tra sát hạch có thể đặt câu hỏi để làm rõ nội dung thí sinh đã trình bày trong phạm vi bài thi và thời gian quy định.

X. THỰC HIỆN PHẦN 2 - THỰC HÀNH GIẢNG DẠY

Đây là phần trọng tâm của bài thi thực hành. Thí sinh nên thực hiện hoạt động dạy học như trong điều kiện dạy học thực tế theo yêu cầu của đề thi.

1. Mở đầu

Thí sinh nên thực hiện ngắn gọn:

- Xác định đối tượng người học;
- Giới thiệu nội dung/chủ đề;
- Xác định mục tiêu hoặc yêu cầu cần đạt;
- Tổ chức hoạt động khởi động hoặc định hướng vấn đề nếu phù hợp.

2. Tổ chức nội dung dạy học

Thí sinh cần thể hiện:

- Kiến thức chính xác và có hệ thống;
- Lựa chọn nội dung phù hợp thời lượng;
- Phương pháp dạy học phù hợp;
- Tổ chức hoạt động của người học;
- Đặt câu hỏi và xử lý phản hồi;
- Sử dụng bảng, phương tiện và học liệu hiệu quả;
- Liên hệ lý thuyết với thực tiễn;
- Khả năng điều chỉnh hoạt động dạy học.

Do không có người học thực tế, thí sinh có thể mô phỏng hoạt động của lớp học nhưng phải thể hiện rõ mình đang tổ chức hoạt động nào, yêu cầu người học thực hiện gì và dự kiến phản hồi/xử lý như thế nào.

Thí sinh không nên biến phần thực hành giảng dạy thành việc đọc giáo án hoặc thuyết trình với Hội đồng. Nội dung đánh giá trọng tâm là năng lực tổ chức dạy học của thí sinh.

3. Kiểm tra, đánh giá trong bài dạy

Thí sinh cần thể hiện ít nhất một hoạt động kiểm tra/đánh giá phù hợp, chẳng hạn:

- Câu hỏi kiểm tra mức độ hiểu;
- Bài tập ngắn;
- Nhiệm vụ vận dụng;
- Sản phẩm học tập;
- Phản hồi hoặc tự đánh giá.

4. Kết thúc

Thí sinh khái quát nội dung cốt lõi, kiểm tra mức độ đạt mục tiêu và định hướng nhiệm vụ tiếp theo nếu phù hợp.

XI. THỰC HIỆN PHẦN 3 - GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG SƯ PHẠM

Khuyến khích thực hiện theo trình tự:

Bước 1. Xác định vấn đề cốt lõi của tình huống.

Bước 2. Xác định các chủ thể có liên quan và nguyên nhân có thể dẫn tới tình huống.

Bước 3. Xác định nguyên tắc cần bảo đảm khi xử lý, trong đó chú ý quyền và lợi ích hợp pháp của người học, yêu cầu nghề nghiệp của nhà giáo, quy định của cơ sở giáo dục và tính giáo dục của phương án xử lý.

Bước 4. Đề xuất phương án xử lý cụ thể theo trình tự.

Bước 5. Nêu biện pháp phòng ngừa hoặc xử lý tiếp theo để hạn chế tình huống tái diễn.

Thí sinh cần thể hiện khả năng:

- Bình tĩnh và khách quan;
- Nhận diện đúng vấn đề;
- Lựa chọn cách giải quyết hợp lý;
- Giao tiếp sư phạm phù hợp;
- Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người học;
- Tuân thủ quy định;
- Xử lý có tính giáo dục và khả thi.

XII. QUẢN LÝ THỜI GIAN

1. Thí sinh cần chủ động kiểm soát thời gian của từng phần thi.

2. Cán bộ/Ban kiểm tra sát hạch thông báo thời gian còn lại theo quy định của Hội đồng.

3. Khi hết thời gian của bài thi, thí sinh phải dừng trình bày theo yêu cầu.

4. Phần nội dung trình bày sau khi có hiệu lệnh hết giờ không được tính vào kết quả đánh giá.

XIII. CHẤM ĐIỂM

1. Bài thi được chấm theo hướng dẫn chấm và phiếu chấm đã được Hội đồng tuyển dụng phê duyệt.

2. Mỗi thí sinh có tối thiểu 02 thành viên Ban kiểm tra sát hạch thực hiện chấm điểm theo phân công.

3. Các thành viên chấm điểm độc lập trên phiếu chấm của từng thí sinh, ký và ghi rõ họ tên theo quy định.

4. Hội đồng đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện trực tiếp của thí sinh, tập trung vào kiến thức chuyên môn; năng lực vận dụng; năng lực tổ chức dạy học; phương pháp và kỹ thuật dạy học; khả năng giao tiếp, diễn đạt; khả năng xử lý tình

huống; tác phong, thái độ nghề nghiệp; mức độ đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

5. Thí sinh không trao đổi, tranh luận với thành viên chấm thi về điểm số trong quá trình hoặc ngay sau khi kết thúc bài thi.

6. Không thực hiện phúc khảo đối với kết quả điểm thi thực hành theo quy định hiện hành.

XIV. KIẾN NGHỊ VỀ ĐỀ THI VÀ SỰ CỐ TRONG QUÁ TRÌNH THI

1. Nếu thí sinh phát hiện câu hỏi hoặc đề thi thực hành có sai sót, thí sinh phải kiến nghị ngay trong thời gian thực hiện bài thi hoặc ngay khi phát hiện tại Phòng chuẩn bị.

2. Thành viên Ban kiểm tra sát hạch/cán bộ tổ chức thi báo cáo người có trách nhiệm để xem xét, giải quyết, đồng thời bảo đảm quyền lợi của thí sinh về thời gian thi theo quyết định của người có thẩm quyền.

3. Trường hợp có sự cố về máy tính, máy chiếu, điện, âm thanh, thiết bị dạy học hoặc cơ sở vật chất khác do Hội đồng cung cấp, thí sinh phải báo ngay; không tự ý xử lý nếu có khả năng ảnh hưởng đến thời gian hoặc kết quả thi.

4. Thời gian bị gián đoạn do sự cố khách quan được xử lý theo quyết định của người có thẩm quyền và được lập biên bản khi cần thiết.

XV. KẾT THÚC BÀI THI

Sau khi hoàn thành bài thi, thí sinh:

- Dừng thực hiện bài thi theo hiệu lệnh;
- Bàn giao đề thi, giấy nháp và các tài liệu phải thu hồi;
- Ký xác nhận các nội dung theo yêu cầu;
- Thu hồi tài liệu cá nhân được phép mang theo;
- Rời Phòng chấm theo lối đi được hướng dẫn.

Thí sinh đã hoàn thành bài thi không được quay lại Phòng chờ, Phòng chuẩn bị hoặc tiếp xúc, trao đổi nội dung đề thi với thí sinh chưa thi trong khu vực tổ chức thi.

XVI. MỘT SỐ LƯU Ý ĐỐI VỚI THÍ SINH

1. Đọc kỹ toàn bộ đề trước khi chuẩn bị.

2. Phân bổ thời gian cho cả 03 phần, không sử dụng quá nhiều thời gian cho một phần

3. Phần thực hành giảng dạy cần thể hiện năng lực dạy học, không chỉ thể hiện năng lực thuyết trình.

4. Giáo án là công cụ hỗ trợ; không đọc nguyên văn giáo án.

5. Tình huống sư phạm cần được xử lý trên cơ sở nguyên tắc nghề nghiệp và quyền, lợi ích hợp pháp của người học; tránh giải quyết cảm tính.

6. Khi chưa hiểu yêu cầu của đề hoặc phát hiện đề có sai sót phải hỏi công khai người có trách nhiệm.

7. Không trao đổi với thí sinh khác về nội dung đề trong khu vực thi.

8. Tuân thủ tuyệt đối hướng dẫn của Hội đồng tuyển dụng, Ban kiểm tra sát hạch và cán bộ tổ chức thi.

Thí sinh có trách nhiệm nghiên cứu kỹ Hướng dẫn này và các thông báo có liên quan của Hội đồng tuyển dụng; chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết và chấp hành nghiêm Nội quy, Quy chế kỳ tuyển dụng./.